

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi, P. Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội

Mã số thuế: 0100101379

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2026



Gồm các biểu:

1. Bảng báo cáo tình hình tài chính Tổng hợp (Mẫu số B01 - DN)
2. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Tổng hợp (Mẫu số B 02 - DN)
3. Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ Tổng hợp (Mẫu số B 03 - DN)
4. Thuyết minh báo cáo tài chính Tổng hợp (Mẫu số B 09 - DN)

Hà Nội, tháng 07 năm 2026

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng báo cáo tình hình tài chính tổng hợp	2-4
2. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	5
3. Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	6-7
4. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	8-28

BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		289.660.426.103	299.978.919.389
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	11.237.085.720	14.984.578.349
1.	Tiền	111		8.237.085.720	1.984.578.349
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	13.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02a	74.372.052.075	90.372.052.075
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		74.372.052.075	90.372.052.075
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		177.846.875.483	176.076.927.835
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	173.473.042.738	184.111.218.145
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.930.994.583	6.656.848.511
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.04	637.500.000	637.500.000
4.	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	V.05	9.622.184.460	7.820.317.936
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.03 V.04 V.05	(20.816.846.298)	(23.148.956.757)
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	24.485.429.314	17.410.822.432
1.	Hàng tồn kho	141		24.485.429.314	17.410.822.432
VI.	Tài sản ngắn hạn khác	160	V.08	1.718.983.511	1.134.538.698
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	161	V.13	6.808.364	10.735.033
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	162		1.310.632.216	729.926.390
3.	Thuế và các khoản khác phải thu NN	163	V.09	401.542.931	393.877.275
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.238.542.181.050	1.240.505.241.817
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		16.037.500.000	17.007.500.000
1	Phải thu dài hạn khác	215	V.06	16.037.500.000	17.007.500.000
II.	Tài sản cố định	220		21.734.034.922	22.806.260.890
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	21.734.034.922	22.806.260.890
	- Nguyên giá	222		47.924.610.592	48.021.350.092
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(26.190.575.670)	(25.215.089.202)

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Mẫu số B01 - DN

Địa chỉ: Số 7A phố Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

ngày 27 tháng 10 năm 2025

BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(100.000.000)	(100.000.000)
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.12	18.942.428.711	19.295.581.553
- Nguyên giá	241		24.131.015.298	24.131.015.298
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(5.188.586.587)	(4.835.433.745)
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		1.180.460.941.347	1.180.460.941.347
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.02b	1.160.969.434.283	1.160.969.434.283
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.02c	1.772.952.058	1.772.952.058
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.02d	17.718.555.006	17.718.555.006
VII. Tài sản dài hạn khác	270		1.367.276.070	934.958.027
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.13	1.367.276.070	934.958.027
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.528.202.607.153	1.540.484.161.206

BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		107.525.347.087	119.199.721.372
I. Nợ ngắn hạn	310		107.525.347.087	119.199.721.372
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	25.314.253.697	45.682.281.203
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		40.933.062.384	32.418.537.338
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước ngắn hạn	314	V.09	146.590.087	199.587.398
4. Phải trả người lao động	315		1.308.589.414	4.881.632.632
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15	6.523.836.875	6.467.740.984
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.16	261.909.096	317.681.820
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17	23.264.810.994	23.233.385.264
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.18	5.870.003.547	4.170.003.547
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.902.290.993	1.828.871.186
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.420.677.260.066	1.421.284.439.834
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	1.420.677.260.066	1.421.284.439.834
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.419.915.000.000	1.418.634.488.001
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		762.260.066	2.649.951.833
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		732.024	732.024
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		761.528.042	2.649.219.809
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.528.202.607.153	1.540.484.161.206

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trần Thị Ánh Tuyết

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Nguyễn Hữu Hiền

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2026

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Vũ Trung Thực

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 7A phố Mạc Thị Bưởi - P. Vĩnh Tuy - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026

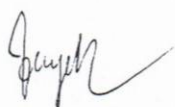
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 2 năm 2026	Quý 2 năm 2025	Lũy kế từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Lũy kế từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	14.175.232.437	80.365.607.780	38.085.346.230	121.353.612.241
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.479.050		7.479.050	122.654.544
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.167.753.387	80.365.607.780	38.077.867.180	121.230.957.697
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	11.602.665.603	67.370.702.925	31.900.460.668	104.164.160.710
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.565.087.784	12.994.904.855	6.177.406.512	17.066.796.987
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.03	2.352.749.905	1.252.421.232	3.260.804.755	2.149.122.399
7. Chi phí tài chính	23	VI.04	78.007.281	117.087.821	78.008.121	114.940.744
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		61.887.672	19.527.397	61.887.672	30.623.288
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	4.162.673.464
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.216.822.532	13.289.383.169	8.439.514.774	13.355.289.625
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		623.007.876	840.855.097	920.688.372	1.583.015.553
11. Thu nhập khác	31	VI.05	150.638	46.235.090	58.136.048	46.235.686
12. Chi phí khác	32		-	3	-	3
13. Lợi nhuận khác	40		150.638	46.235.087	58.136.048	46.235.683
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		623.158.514	887.090.184	978.824.420	1.629.251.236
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	141.074.376	148.079.016	217.296.378	287.654.987
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		482.084.138	739.011.167	761.528.042	1.341.596.249

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Trần Thị Ánh Tuyết

Phụ trách Kế toán

(Ký, họ tên)



Nguyễn Hữu Hiền

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Vũ Trung Thực

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	MS TM	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	978.824.420	1.629.251.236
2. Điều chỉnh cho các khoản		(4.313.402.779)	4.989.907.348
- Khấu hao TSCĐ	02	1.328.639.310	1.480.312.974
- Các khoản dự phòng	03	(2.332.110.459)	5.523.643.029
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	30.001.891	83.650.456
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.401.821.193)	(2.128.322.399)
- Chi phí lãi vay	06	61.887.672	30.623.288
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.334.578.359)	6.619.158.584
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	17.250.655.127	50.267.893.759
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(7.074.606.882)	990.032.474
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TN phải nộp)	11	(30.907.520.976)	(64.752.702.612)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	(428.391.374)	147.028.511
- Tiền lãi vay đã trả	13	(61.887.672)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(207.614.570)	(307.337.607)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(138.800.000)	(345.000.000)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(24.902.744.706)	(7.380.926.891)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	96.739.500	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(57.372.052.075)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	16.000.000.000	42.797.052.075
4. Thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.401.821.193	1.839.236.401
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.498.560.693	(12.735.763.599)

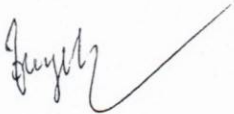
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	MS TM	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.900.000.000	1.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.200.000.000)	(30.000.000)
IV. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.700.000.000	970.000.000
V. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.704.184.013)	(19.146.690.490)
VI. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.984.578.349	26.261.064.257
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(43.308.616)	11.414.069
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.237.085.720	7.125.787.836

Người lập biểu

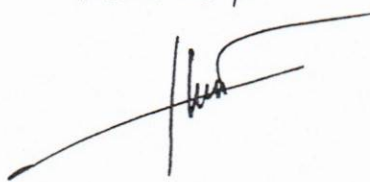
(Ký, họ tên)



Trần Thị Ánh Tuyết

Phụ trách kế toán

(Ký, họ tên)



Nguyễn Hữu Hiền

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2026

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Vũ Trung Thực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty đã hoạt động chính thức dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017. Sau khi chuyển quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), MIE đã thực hiện 02 lần đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, gồm: đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 08/7/2026 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13/7/2026, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION - JSC

Tên viết tắt là: MIE

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*) chia làm 141.991.500 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000.000 đồng.

Dựa trên số lượng cổ phần đang nắm giữ, tỷ lệ cơ cấu cổ đông tại 30/06/2026 như sau:

Cổ đông	Số CP	Số tiền	Tỷ lệ
- SCIC	141.384.680	1.413.846.800.000	99,5726%
- Cán bộ công nhân viên công ty	537.820	5.378.200.000	0,3788%
- Nhà đầu tư khác	69.000	690.000.000	0,0486%
+ Cổ đông là cá nhân	49.000	490.000.000	0,0345%
+ Cổ đông là tổ chức	20.000	200.000.000	0,0141%
Cộng	141.991.500	1.419.915.000.000	100%

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng);
- Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập;
- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2026, Công ty Mẹ - Tổng công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

STT	Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
I.	Cơ quan Tổng Công ty	- Thiết kế, chế tạo, cung cấp, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; - Sản xuất luyện kim, sửa chữa máy móc, thiết bị; - Sản xuất các cấu kiện kim loại.	100%
II.	Đơn vị trực thuộc		
1.	Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	- Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; - Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); - Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; - Đo đạc địa chính; Kinh doanh bất động sản...	100%
2.	Công ty Xây lắp Công nghiệp	- Chuẩn bị mặt bằng; - Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; - Đóng tàu và cấu kiện nổi; - Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.	100%
3.	Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	- Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; - Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền.	100%

(*) Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (đơn vị trực thuộc) đang tạm ngừng hoạt động căn cứ theo Nghị quyết số 53/NQ-MIE-HĐQT ngày 05/10/2022 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP về việc thông qua các đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng Công ty đối với Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP, **thống nhất tạm dừng hoạt động của Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP**

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Kỳ kế toán trong Báo cáo này là từ ngày 01 tháng 04 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp này được tổng hợp từ các Báo cáo tài chính Quý II năm 2026 của 04 đơn vị sau:

- Cơ quan Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP;
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP;
- Công ty Xây lắp Công nghiệp;
- Công ty Tư vấn Đầu tư và dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Kỳ hoạt động từ 01/04/2026 đến 30/06/2026</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tổng công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng quản trị và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam. Tại Báo cáo tài chính Quý II năm 2026, Tổng công ty đang tạm phân phối lợi nhuận và sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Tổng công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ lập báo cáo
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.
- Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Tổng công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết. Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Tổng Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp nói chung.

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

	(Đơn vị tính: VND)	
	30/06/2026	01/01/2026
01. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt	55.514.976	27.988.536
- Tiền gửi ngân hàng	8.181.570.744	1.956.589.813
- Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	13.000.000.000
(Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	3.000.000.000	13.000.000.000
Cộng	11.237.085.720	14.984.578.349
02. Các khoản đầu tư tài chính		
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn (từ 3 tháng đến 12 tháng)	74.372.052.075	90.372.052.075
Cộng	74.372.052.075	90.372.052.075
b) Đầu tư vào công ty con		
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	644.670.174.361	644.670.174.361
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	163.327.600.924	163.327.600.924
- Công ty TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí	186.946.683.204	186.946.683.204
- Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật	35.893.995.830	35.893.995.830
- Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	126.294.786.164	126.294.786.164
- Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	3.836.193.800	3.836.193.800
Cộng	1.160.969.434.283	1.160.969.434.283
c) Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	1.772.952.058	1.772.952.058
Cộng	1.772.952.058	1.772.952.058
d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
- Công ty Cổ Phần Đá mài Hải Dương	3.381.542.806	3.381.542.806
- Công ty Cổ phần cơ khí Chế tạo Hải Phòng	1.432.012.200	1.432.012.200
- Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
+ Vốn góp của các cổ đông khác	12.905.000.000	12.905.000.000
Cộng	17.718.555.006	17.718.555.006
03. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
a) Phải thu các Công ty con		
- Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	378.420.240	186.945.716
- Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí (Nhà máy Quy chế Từ Sơn	6.621.643.564	6.290.612.922
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	4.974.440.959	9.712.873.982

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

b) Phải thu các khách hàng khác	161.498.537.975	177.633.659.507
- Công ty CP tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	39.836.297.736	39.836.297.736
- Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bạch Đằng Trường Giang	33.958.921.221	41.879.733.221
- Công ty Cổ phần Sông Đà 5	10.014.935.388	10.014.935.388
- Ban Quản lý Dự án Điện 2 - Tập đoàn Điện lực VN	10.921.017.611	10.921.017.611
- Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Khúc 2	24.642.168.231	24.642.168.231
- Công ty CP đầu tư xây dựng cơ khí Đồng Tâm	7.093.370.222	406.249.035
- Ban quản lý dự án Điện 3 - Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam	2.156.857.776	2.164.935.150
- Viện Nghiên cứu Cơ khí	1.885.283.026	4.610.024.481
- Công ty Cổ phần thủy điện Bó Sinh	8.756.062.000	12.450.730.200
- Ban điều hành dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	9.126.210.308	9.126.210.308
- Các đối tượng khác	13.107.414.456	21.581.358.146
Cộng	173.473.042.738	184.111.218.145
Trong đó trích lập dự phòng phải thu khó đòi	30/06/2026	01/01/2026
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	2.196.370.548	2.196.370.548
- Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bạch Đằng Trường Giang	2.866.095.627	5.198.206.086
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ kỹ thuật TJS	1.074.362.256	1.074.362.256
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	7.100.000.000	7.100.000.000
- Chi nhánh tư vấn thiết kế và Xây dựng	269.196.839	269.196.839
- Công ty CP cơ khí LICOGI 16	512.859.599	512.859.599
- Ban điều hành Dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	4.563.105.154	4.563.105.154
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp	100.000.000	100.000.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần SOMEKO Sông Đà tại Miền Trung	393.762.532	393.762.532
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Long Hội	967.207.033	967.207.033
Cộng	20.042.959.588	22.375.070.047
04. Phải thu nội bộ ngắn hạn	30/06/2026	01/01/2026
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị công nghiệp	637.500.000	637.500.000
Cộng	637.500.000	637.500.000
Trong đó trích lập dự phòng	30/06/2026	01/06/2026
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị công nghiệp	637.500.000	637.500.000
Cộng	637.500.000	637.500.000
05. Phải thu ngắn hạn khác	30/06/2026	01/01/2026
- Chi phí cổ phần hóa	4.704.351.907	3.423.839.908
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (Dự thu lãi tiền gửi)	848.315.068	400.519.178

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

05. Phải thu ngắn hạn khác (tiếp)	30/06/2026	01/01/2026
- Ngoại Thương Việt Nam - CN Chương Dương (Dự thu lãi tiền gửi)	128.258.367	530.109.682
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc (Dự thu lãi tiền gửi)	849.175.342	166.830.137
- Phải thu các công ty con	6.919.339	179.131.668
+ Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Sản phẩm cơ khí	-	172.212.329
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí HN	6.919.339	6.919.339
- Tạm ứng	2.917.397.363	2.948.397.363
- Thu khác	167.767.074	171.490.002
Cộng	9.622.184.460	7.820.317.938
Trong đó trích lập dự phòng	30/06/2026	01/06/2026
- Khoản tạm ứng của Lê Quang Hải	136.386.710	136.386.710
Cộng	136.386.710	136.386.710
06. Phải thu dài hạn khác	30/06/2026	01/01/2026
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Sản phẩm cơ khí	16.000.000.000	17.000.000.000
- Ký quỹ, ký cược	37.500.000	7.500.000
Cộng	16.037.500.000	17.007.500.000
07. Hàng tồn kho	30/06/2026	01/01/2026
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.264.901.946	15.245.643.674
- Hàng hóa	10.220.527.368	2.165.178.758
Cộng	24.485.429.314	17.410.822.432
08. Tài sản ngắn hạn khác	30/06/2026	01/01/2026
- Chi phí trả trước ngắn hạn	6.808.364	10.735.033
- Thuế GTGT được khấu trừ	1.310.632.216	729.926.390
- Thuế và các khoản phải thu NSNN	401.542.931	393.877.275
Cộng	1.718.983.511	1.134.538.698

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 7A phố Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 252 499

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**9. Thuế và các khoản phải thu - phải nộp Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

Phải nộp	01/01/2026	Phải nộp	Đã nộp	30/06/2026
Thuế giá trị gia tăng	55.953.389	254.523.494	310.476.883	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế TNDN	134.908.279	217.296.378	207.614.570	144.590.087
Thuế TNCN	8.725.730	189.786.313	196.512.043	2.000.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	264.255.388	264.255.388	-
Phí, lệ phí và các khoản phải trả	-	20.000	20.000	-
Tổng cộng	199.587.398 ✓	925.881.573	978.878.884	146.590.087 ✓

Phải thu	01/01/2026	Phải thu	Đã thu	30/06/2026
Thuế giá trị gia tăng	300.461.154	-	-	300.461.154
Thuế TNCN	-	-	-	7.665.656
Các loại thuế khác	93.416.121	-	-	93.416.121
Tổng cộng	393.877.275 ✓	-	-	401.542.931 ✓

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

STT	Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
I.	Nguyên giá					
	Tại ngày 01/01/2026	41.972.594.163	435.663.389	5.162.965.812	450.126.728	48.021.350.092 ✓
	Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
	Thanh lý, nhượng bán	-	96.739.500	-	-	96.739.500
	Tại ngày 30/06/2026	41.972.594.163	338.923.889	5.162.965.812	450.126.728	47.924.610.592 ✓
II.	Hao mòn lũy kế					
	Tại ngày 01/01/2026	20.704.354.893	311.494.092	3.755.105.037	444.135.180	25.215.089.202 ✓
	Khấu hao trong kỳ	827.292.786	21.010.498	217.931.136	5.991.548	1.072.225.968
	Thanh lý, nhượng bán	-	96.739.500	-	-	96.739.500
	Tại ngày 30/06/2026	21.531.647.679	235.765.090	3.973.036.173	450.126.728	26.190.575.670 ✓
III.	Giá trị còn lại					
	Tại ngày 01/01/2026	21.268.239.270	124.169.297	1.407.860.775	5.991.548	22.806.260.890 ✓
	Tại ngày 30/06/2026	20.440.946.484	103.158.799	1.189.929.639	-	21.734.034.922 ✓

11. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

STT	Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản Quyền	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
I.	Nguyên giá					
	Tại ngày 01/01/2026	-	-	-	100.000.000	100.000.000
	Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
	Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
	Tại ngày 30/06/2026	-	-	-	100.000.000	100.000.000
II.	Hao mòn lũy kế					
	Tại ngày 01/01/2026	-	-	-	100.000.000	100.000.000
	Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
	Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
	Tại ngày 30/06/2026	-	-	-	100.000.000	100.000.000
III.	Giá trị còn lại					
	Tại ngày 01/01/2026	-	-	-	-	-
	Tại ngày 30/06/2026	-	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 7A phố Mạc Thị Bưởi - P. Vĩnh Tuy - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**12. Bất động sản đầu tư***Đơn vị tính: VND*

STT	Khoản mục	01/01/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2026
I.	Bất động sản đầu tư cho thuê				
	Nguyên giá	24.131.015.298	-	-	24.131.015.298 ✓
	Nhà	24.131.015.298	-	-	24.131.015.298
II.	Giá trị hao mòn lũy kế	4.835.433.745	353.152.842	-	5.188.586.587 ✓
	Nhà	4.835.433.745	353.152.842	-	5.188.586.587
	Tăng trong kỳ	-	-	-	353.152.842
	Giảm trong kỳ	-	-	-	-
III.	Giá trị còn lại				
	Nhà	19.295.581.553	-	-	18.942.428.711 ✓

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước

	30/06/2026	01/01/2026
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	6.808.364	10.735.033
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.808.364	10.735.033
b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn	1.367.276.070	934.958.027
- Chi phí CCDC chờ phân bổ	401.265.863	336.954.847
- Chi phí trả trước dài hạn khác	966.010.207	598.003.180
Cộng	1.374.084.434	945.693.060

14. Phải trả người bán

	30/06/2026	01/01/2026
a) Phải trả các Công ty con	11.042.760.927	18.505.807.789
- Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	10.983.797.705	17.425.991.162
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	58.963.222	1.079.816.627
b) Phải trả các Công ty khác	14.271.492.770	27.176.473.414
- Công ty CP KCT và thiết bị nâng hạ Hoàng Anh	102.354.472	4.522.852.472
- Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp nặng MICO	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty Cổ phần Trường Nhật	1.365.277.342	1.365.277.342
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cơ khí Đồng Tâm	3.132.665.845	5.259.974.545
- Công ty CP MTS	4.060.300.000	6.060.300.000
- Các đối tượng khác	4.110.895.111	8.468.069.055
Cộng	25.314.253.697	45.682.281.203

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
- Lãi vay phải trả	6.504.236.875	6.448.140.984
- Các khoản khác	19.600.000	19.600.000
Cộng	6.523.836.875	6.467.740.984

16. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
- Doanh thu cho thuê văn phòng	261.909.096	317.681.820
Cộng	261.909.096	317.681.820

17. Phải trả khác

	30/06/2026	01/01/2026
- Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
- Phải trả về cổ phần hoá	4.257.988.040	4.257.988.040
- Kinh phí công đoàn	8.633.196	16.023.252
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	675.293.758	696.284.958
- Nhận lại tiền đặt cọc, góp vốn	4.450.000.000	4.450.000.000
- Các khoản khác	967.896.000	908.089.014
Cộng	23.264.810.994	23.233.385.264

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 7A phố Mạc Thị Bưởi - P. Vĩnh Tuy - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025

**V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP (tiếp theo)**

	<u>30/06/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
18. Vay và nợ thuê tài chính		
a) Vay ngắn hạn	-	-
b) Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000
- Tổng Công ty Bia rượu và NGK Sài Gòn (nay là Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO	4.000.000.000	4.000.000.000
c) Vay cá nhân, tổ chức	1.870.003.547	170.003.547
- Tại Công ty Tư vấn đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp (vay cá nhân)	1.700.000.000	-
- Tại Công ty Xây lắp Công nghiệp	170.003.547	170.003.547
Cộng	5.870.003.547	4.170.003.547

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 7A phố Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B09 – DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
19. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2026	1.418.634.488.001	2.649.951.833	1.421.284.439.834
Tăng trong kỳ	1.280.511.999	761.528.042	2.042.040.041
- Điều chỉnh vốn của Chủ sở hữu	1.280.511.999		1.280.511.999
- Lãi trong kỳ	-	761.528.042	761.528.042
- Thu lợi nhuận đơn vị phụ thuộc năm 2025	-		-
Giảm trong kỳ		2.649.219.809	2.649.219.809
- Lỗ trong kỳ	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ (tạm phân phối)	-	2.649.219.809	2.649.219.809
Số dư ngày 30/06/2026	1.419.915.000.000	762.260.066	1.420.677.260.066

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 7A phố Mạc Thị Bưởi - P. Vĩnh Tuy - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B09 – DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025

VI. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.

Đơn vị tính: VND

	Quý 2 năm 2026	Quý 2 năm 2025
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng	5.550.187.437	21.620.679.427
- Doanh thu công trình xây lắp	8.625.045.000	58.744.928.353
- Các khoản giảm trừ doanh thu	7.479.050	
Cộng	14.167.753.387	80.365.607.780
02. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa	4.364.336.758	19.517.730.265
- Giá vốn của công trình xây lắp	7.238.328.845	47.852.972.660
Cộng	11.602.665.603	67.370.702.925
03. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.197.096.405	940.482.637
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	155.653.500	291.138.595
Cộng	2.352.749.905	1.252.421.232
04. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	61.887.672	19.527.397
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.119.609	97.560.424
Cộng	78.007.281	117.087.821
05. Thu nhập khác		
- Các khoản khác	150.638	46.235.090
Cộng	150.638	46.235.090
06. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	141.074.376	148.079.016
Cộng	141.074.376	148.079.016

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Mẫu số B09 – DN

Địa chỉ: Số 7A phố Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

ngày 27 tháng 10 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Thông tin về các bên liên quan****a. Mối quan hệ với các bên liên quan****Các công ty con, công ty liên doanh liên kết và đơn vị phụ thuộc**

	Mối quan hệ	Tỷ lệ sở hữu
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy & TBCN - CTCP	Đơn vị trực thuộc	100,00%
- Công ty Xây lắp Công nghiệp	Đơn vị trực thuộc	100,00%
- Công ty Tư vấn đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	Đơn vị trực thuộc	100,00%
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	100,00%
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	100,00%
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu sản phẩm cơ khí	Công ty con	100,00%
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và kỹ thuật	Công ty con	100,00%
- Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	98,189%
- Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Công ty con	51,00%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty Liên kết	20,00%

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Giao dịch	Số tiền
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ (MIE)	Bán hàng hóa	5.327.742
- Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải (MIE)	Mua hàng hóa	3.129.726.600
- Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải (MIE)	Bán hàng hóa	344.018.400
- Công ty Cổ phần Dụng Cụ số 1 (MIE)	Mua hàng hóa	363.939.300
- Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí (Nhà máy Quy chế Từ Sơn)	Bán hàng hóa	3.737.232.235

c. Số dư cuối năm với các bên liên quan

Bên liên quan	30/06/2026	01/01/2026
Phải thu khách hàng - TK 131		
- Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải (Của MIE)	378.420.240	186.945.716
- Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí (Nhà máy Quy chế Từ Sơn)	6.621.643.564	6.290.612.922
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	4.974.440.959	9.712.873.982
Phải thu khác - TK 138		
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội (Của ISC)	6.919.337	6.919.337
- Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí	-	172.212.329
Trả trước cho người bán - TK 331		
- Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	106.906.800	-
Phải trả người bán - TK 331		
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội (Của MIE)	58.963.222	1.079.816.627
- Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải (Của MIE)	4.644.839.960	8.087.033.417
- Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải (Của ISC)	6.338.957.745	9.338.957.745
Phải thu về cho vay dài hạn		
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu sản phẩm cơ khí (MIE)	16.000.000.000	17.000.000.000

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 7A phố Mạc Thị Bưởi - P. Vĩnh Tuy - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B09 – DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

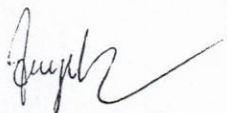
02. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ BCTC tổng hợp Quý 2 năm 2025, BCTC Tổng hợp đã được kiểm toán năm 2025 của Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP.

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2026

Người lập

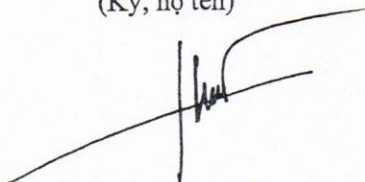
(Ký, họ tên)



Trần Thị Ánh Tuyết

Phụ trách kế toán

(Ký, họ tên)



Nguyễn Hữu Hiền

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Vũ Trung Thực